TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH B** Số: 256 /2021/QĐST - DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Q, ngày 14 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

"V/v tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi"

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ung Quang Định.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân Thành phố Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên họp: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 152/2019/TLST- VDS ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu: "Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi" theo Quyết định mở phiên họp số: 172/2021/QĐPH-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 185/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Phạm Thị V, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ 4, KV3, phường N, TP.Q, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Huỳnh Hoài L, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Tổ 4, KV3, phường N, TP. Q, tỉnh B.

+ Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 7, KV1, P. T, Tp. Q, tỉnh B.

(Bà V, anh L có mặt, ông A vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

- Tại đơn yêu cầu ngày 08/6/2021, đơn yêu cầu bổ sung ngày 02/7/2021 và các bản tự khai tiếp theo bà Phạm Thị V trình bày:

Bà là mẹ ruột của chị Lê Thị P, bà cho rằng lúc còn trẻ sức khỏe chị P bình thường nhưng cách đây hơn 03 năm chị P bị bệnh tâm thần; gia đình đưa đi khám

chữa bệnh nhiều nơi nhưng không khỏi bệnh mà mỗi ngày lại nặng thêm. Hiện tại chị P không tự lo và kiểm soát được bản thân, mọi việc sinh hoạt cá nhân như tắm, giặt quần áo và ăn uống đều phải nhờ người thân giúp đỡ. Theo Giấy xác nhận của Bệnh viện tâm thần ngày 28/6/2019 xác nhận và chẩn đoán chị Lê Thị P bị: "Tâm thần phân liệt thể không biệt định, mã bệnh F20.3. Bệnh nhân được điều trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và hiện đang được quản lý, điều trị ngoại trú theo chương trình Quốc gia dành cho các bệnh xã hội". Chị P được UBND P. N, Tp. Q cấp giấy xác nhận khuyết tật vào ngày 09/7/2019 và được nhận tiền trợ cấp xã hội hàng tháng. Do đó, bà yêu cầu Toà án nhân dân Tp. Q, tỉnh B tuyên bố chị P có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi để thuận lợi trong các giao dịch dân sự liên quan đến chị P.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Huỳnh Hoài L trình bày: Anh là con ruột của chị P, thống nhất theo lời trình bày của bà V về tình hình sức khỏe của mẹ anh, anh đồng ý yêu cầu tuyên bố chị P có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

+ Ông Huỳnh Văn A: Tòa đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông A không đến Toà làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q, tỉnh B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 23, khoản 3 Điều 53, khoản 4 Điều 54 Bộ luật Dân sự; Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu tuyên bố chị Lê Thị P có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; đề nghị chỉ định bà V là người giám hộ cho chị P; bà V là người cao tuổi nên không phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Q nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phạm Thị V có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Tp. Q tuyên bố chị Lê Thị P có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Tòa xác định yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bị yêu cầu là chị P hiện nay cư trú tại Tp. Q, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn A để làm việc nhưng ông A không đến Tòa. Trước khi mở phiên họp, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông A không có mặt, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông A theo quy định.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Căn cứ bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 517/KLGĐ ngày 21/6/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền Trung: "Thời điểm hiện tại: a. kết luận về y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn với thiếu sót ổn định (F20.32); b. kết luận về năng lực hành vi dân sự: Khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi.". Do đó, bà Phạm Thị V yêu cầu tuyên bố chị P có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 23 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[2.2] Về chỉ định người giám hộ cho chị Lê Thị P: Nhận thấy chị P có đăng ký kết hôn với ông Huỳnh Văn A vào ngày 06/10/2000 tại UBND phường T, Tp. Q và có 01 con chung tên Huỳnh Hoài L. Anh L khai khi anh được hơn 06 tháng tuổi, ba mẹ anh mâu thuẫn mẹ mang anh về nhà ngoại sinh sống; kể từ đó cho đến nay ông A không đến thăm anh và mẹ anh, không hỗ trợ tiền bạc nuôi anh. Quá trình giải quyết vụ việc Tòa nhiều lần triệu tập nhưng ông A đến Tòa làm việc, không tham gia phiên họp; điều đó chứng tỏ ông A không quan tâm gì đến chị P và anh L; không đủ các điều kiện làm người giám hộ cho chị P. Ngoài ra, anh L trình bày hiện tại anh phải đi làm ăn xa, ít khi về nhà nên không có điều kiện để chăm sóc mẹ anh và anh yêu cầu bà V là người giám hộ cho mẹ anh theo quy định. Nhận thấy từ khi chị P bị bệnh tâm thần cho đến nay, bà V là người gần gũi, chăm sóc, đưa đi khám chữa bệnh cho chị P và hiện tại bà V còn khỏe mạnh, có khả năng lao động và có đầy đủ điều kiện của cá nhân làm người giám hộ theo quy định của pháp luật dân sự. Do vậy, Tòa chỉ định bà Phạm Thị V là người giám hộ cho chị P.

Xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ: Bà Phạm Thị V có nghĩa vụ chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P; đại diện cho chị P trong các giao dịch dân sự; quản lý tài sản của chị P (nếu có). Bà V có quyền sử dụng tài sản của chị P (nếu có) để chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của chị P; được thanh toán các chi phí hợp lý cho việc quản lý tài sản; đại diện cho chị P trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị P.

Bà V có thể bị thay đổi, chấm dứt làm người giám hộ cho chị P nếu không có đầy đủ điều kiện của cá nhân làm người giám hộ. Thủ tục thay đổi, chấm dứt việc giám hộ thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà V thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nên được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết việc dân sự phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 361, Điều 376 và Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 23, Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 53, khoản 4 Điều 54, Điều 57, Điều 58 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Phạm Thị V.

Tuyên bố chị Lê Thị P, sinh năm 1970; trú tại: Tổ 4, KV3, phường N, Tp. Q, tỉnh B có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Chỉ định bà Phạm Thị V là người giám hộ cho chị Lê Thị P.

Xác định bà Vạn có nghĩa vụ: Chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P; đại diện cho chị P trong các giao dịch dân sự; quản lý tài sản của chị P (nếu có).

Xác định bà V có quyền: Sử dụng tài sản của chị P (nếu có) để chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của chị P; được thanh toán các chi phí hợp lý cho việc quản lý tài sản; đại diện cho chị P trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị P.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị V được miễn nộp tiền lệ phí nên được hoàn lại 300.000đ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002620 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ung Quang Định